

Phụ lục

Danh mục các công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu KTTV đối với trạm chuyên dùng

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Danh sách các công trình đập, hồ chứa nước phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

TT	Tên công trình đập, hồ chứa nước (loại quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ...)	Chủ công trình	Địa điểm công trình	Dung tích toàn bộ hồ chứa (m³)	Đập có chiều cao và chiều dài hoặc đập có chiều cao và lưu lượng tràn xả lũ thiết kế (m³/s)			Hình thức xả (cửa van điều tiết lũ/tràn tự do)	Trạm quan trắc KTTV chuyên dùng (nêu rõ tên trạm đã lắp đặt)	Thực hiện quan trắc các yếu tố KTTV	Việc cung cấp thông tin dữ liệu KTTV (nêu rõ đã cung cấp về đâu)	Ghi chú
					Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Lưu lượng tràn xả lũ thiết kế (m³/s)					
1	Hồ Nà Chiếu	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình	Xã Cao Sơn	50.000	19	160		Tràn tự do		Mực nước thượng, hạ lưu đập (đo bằng thủ công)		
2	Hồ Nà Tầm	nt	Xã Cao Sơn	729.220	12,65	367,38		Tràn tự do		nt		
3	Hồ Tày Mãng	nt	Xã Đà Bắc	288.000	13	375		Tràn tự do		nt		
4	Hồ Cót	nt	Xã Đà Bắc	650.000	12	300		Tràn tự do		nt		
5	Hồ Châu Mè	nt	Xã Đà Bắc	1.300.000	13	90		Tràn tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
6	Hồ Suối Hoa	nt	Xã Đà Bắc	400.000	13	40		Tràn tự do		nt		
7	Hồ Cang	nt	Xã Quy Đức	304.000	13,8	200		Tràn tự do		nt		
8	Hồ Ca Lông	nt	Xã Tân Pheo	30.000	12	40		Tràn tự do		nt		

9	Hồ Thắng	nt	Xã Đà Bắc	50.000	10,3	54,7		Tràn tự do		nt		
10	Hồ Đàm Bài	nt	Xã Thịnh Minh	4.880.000	21	270		Tràn tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	
11	Hồ Dụ (Ao Mè)	nt	P Kỳ Sơn	623.000	17	211,28		Tràn tự do		nt		
12	Hồ Ngọc	nt	P Hòa Bình	340.000	15	112		Tràn tự do		nt		
13	Hồ Đồng Chứa	nt	P Thống Nhất	650.000	15	90		Tràn tự do		nt		
14	Hồ Mè	nt	Xã Thịnh Minh	215.000	13	238,89		Tràn tự do		nt		
15	Hồ Nà Sung	nt	P Thống Nhất	580.000	12	95		Tràn tự do		nt		
16	Hồ Nà Thềm	nt	P Thống Nhất	410.000	11,9	118		Tràn tự do		nt		
17	Hồ Thống Nhất	nt	P Thống Nhất	271.000	10,84	227,43		Tràn tự do		nt		
18	Hồ Đồng Gạo	nt	P Thống Nhất	650.000	11	112		Tràn tự do		nt		
19	Hồ Khang Mỏi	nt	P Tân Hòa	550.000	10,5	115		Tràn tự do		nt		
20	Hồ Rộc Xả	nt	P Hòa Bình	500.000	12	150		Tràn tự do		nt		
21	Hồ Đồng Bền	nt	P Kỳ Sơn	213.000	12,8	151,5		Tràn tự do		nt		
22	Hồ Láo Ngào	nt	Xã Thịnh Minh	120.000	10	110		Tràn tự do		nt		

23	Hồ Cạn thượng	nt	Xã Cao Phong	4.900.000	42,5	199		Tràn tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	
24	Hồ Bãi Bông	nt	Xã Cao Phong	434.774	18	100		Tràn tự do		nt		
25	Hồ Múi	nt	Xã Cao Phong	205.000	17	82,85		Tràn tự do		nt		
26	Hồ De	nt	Xã Mường Thàng	278.000	20,4	64,65		Tràn tự do		nt		
27	Hồ Trung Thủy Nông	nt	Xã Cao Phong	150.000	13,9	70,3		Tràn tự do		nt		
28	Hồ Nhò	nt	Xã Thung Nai	240.000	13,4	59,9		Tràn tự do		nt		
29	Hồ Lầy	nt	Xã Thung Nai	170.000	13,5	62,3		Tràn tự do		nt		
30	Hồ Tuồng	nt	Xã Thung Nai	60.000	12	96		Tràn tự do		nt		
31	Hồ Loòn	nt	Xã Thung Nai	100.000	10,5	120		Tràn tự do		nt		
32	Hồ Ninh	nt	Xã Nật Sơn	250.000	19,6	48		Tràn tự do		nt		

33	Hồ Nà Bưởi	nt	Xã Kim Bôi	1.020.000	19,4	115		Tràn tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	
34	Hồ Cùm Vện	nt	Xã Hợp Kim	337.470	17,3	154,2		Tràn tự do		nt		
35	Hồ Muôn	nt	Xã Hợp Kim	320.000	16	86		Tràn tự do		nt		
36	Hồ Nam Thượng	nt	Xã Hợp Kim	701.000	13,6	137,4		Tràn tự do		nt		
37	Hồ Cầu	nt	Xã Nật Sơn	202.000	13,6	120,45		Tràn tự do		nt		
38	Hồ Nà Măng	nt	Xã Mường Động	207.000	12	108		Tràn tự do		nt		
39	Hồ Cành	nt	Xã Dũng Tiến	700.000	11	113,3 5		Tràn tự do		nt		
40	Hồ Lấu Ráy	nt	Xã Nật Sơn	118.000	11	96,5		Tràn tự do		nt		
41	Hồ Cuôi	nt	Xã Nật Sơn	170.000	10,6	66,4		Tràn tự do		nt		
42	Hồ Rộc Trung	nt	Xã Hợp Kim	166,000	10,7	116,13		Tràn tự do		nt		
43	Hồ Vung	nt	Xã Tân Lạc	2.600.000	34	203		Tràn tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	

44	Hồ Trọng	nt	Xã Mường Bì	4.212.000	30,62	275		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
45	Hồ Kem	nt	Xã Mường Bì	1.675.840	22	89		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
46	Hồ Tam	nt	Xã Tân Lạc	500.000	22	130		Trần tự do		nt		
47	Hồ Trù Bụa	nt	Xã Mường Bì	1.980.000	20	268,66		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
48	Hồ Bông Canh	nt	Xã Tân Lạc	540.000	19	424		Trần tự do		nt		
49	Hồ Ban	nt	Xã Tân Lạc	573.990	18	80,4		Trần tự do		nt		

50	Hồ Phoi	nt	Xã Tân Lạc	1.300.000	18	102		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
51	Hồ Lao Ca	nt	Xã Tân Lạc	480.200	20	136		Trần tự do		nt		
52	Hồ U Tà	nt	Xã Toàn Thắng	500.000	17	59		Trần tự do		nt		
53	Hồ Cóm 1	nt	Xã Tân Lạc	1.000.000	16	118,61		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
54	Hồ Suối Lòng	nt	Xã Toàn Thắng	500.000	15	90		Trần tự do		nt		
55	Hồ Suối Hai	nt	Xã Tân Lạc	269.200	14,5	56,15		Trần tự do		nt		
56	Hồ Cành Dầu	nt	Xã Tân Lạc	82.700	12,5	67,9		Trần tự do		nt		
57	Hồ Cóm 2	nt	Xã Tân Lạc	300.000	13	102,8		Trần tự do		nt		
58	Hồ Tọ	nt	Xã Tân Lạc	81.000	13	129,5		Trần tự do		nt		
59	Hồ Nghey	nt	Xã Toàn Thắng	77.860	13	170		Trần tự do		nt		
60	Hồ Văn Đại 1	nt	Xã Tân Lạc	500.000	11	56,5		Trần tự do		nt		
61	Hồ Văn Đại 2	nt	Xã Tân Lạc	300.000	10	71,5		Trần tự do		nt		
62	Hồ Mụ	nt	Xã Tân Lạc	128.000	11	134,8		Trần tự do		nt		
63	Hồ Nà Ai	nt	Xã Tân Lạc	581.000	11,2	125,9		Trần tự do		nt		
64	Hồ Nà Tạng	nt	Xã Toàn Thắng	500.000	11	40		Trần tự do		nt		

65	Hồ Sam Tạng	nt	Xã Mai Châu	198.000	17,8	30,4		Trần tự do		nt		
66	Hồ Khả	nt	Xã Mai Hạ	950.000	12	150		Trần tự do		nt		
67	Hồ 3/2	nt	Xã Mai Hạ	450.000	12	90		Trần tự do		nt		
68	Hồ Cha Lang	nt	Xã Bao La	680.000	3,6	430		Trần tự do		nt		
69	Hồ Cánh Tạng	nt	Xã Yên Phú	90.495.000	54,9	838,35		Trần cửa van; trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	Gói thầu lắp đặt 8 trạm đo mưa và đo mực nước hiện nay đã được phê duyệt nhưng chưa tiến hành lắp đặt
70	Hồ Khang Trào	nt	Xã Thượng Cốc	2.200.000	28	315		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dwr.gov.vn	

71	Hồ Khả	nt	Xã Mường Vang	1.304.000	33	220		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
72	Hồ Rả	nt	Xã Yên Phú	576.000	21,5	87,22		Trần tự do		nt		
73	Hồ Đăng	nt	Xã Mường Vang	216.000	19,15	153,4		Trần tự do		nt		
74	Hồ Quốc 1	nt	Xã Quyết Thắng	280.000	18	68		Trần tự do		nt		
75	Hồ Quốc 2	nt	Xã Quyết Thắng	250.000	17	93		Trần tự do		nt		
76	Hồ Rung Chăn	nt	Xã Quyết Thắng	430.000	18	132		Trần tự do		nt		
77	Hồ Nang	nt	Xã Nhân Nghĩa	366.000	17,3	142,18		Trần tự do		nt		
78	Hồ Trung Tiêng	nt	Xã Quyết Thắng	450.000	17	131		Trần tự do		nt		
79	Hồ Thóng	nt	Xã Lạc Sơn	350.000	16	160		Trần tự do		nt		
80	Hồ Rộc Cầu	nt	Xã Yên Phú	450.000	15	120		Trần tự do		nt		
81	Hồ Vành	nt	Xã Thượng Cốc	292.840	14,7	74,61		Trần tự do		nt		
82	Hồ Rẫy	nt	Xã Quyết Thắng	300.000	14	168		Trần tự do		nt		
83	Hồ Pheo	nt	Xã Quyết Thắng	660.000	14	131		Trần tự do		nt		
84	Hồ Chóng	nt	Xã Quyết Thắng	800.000	13	98		Trần tự do		nt		
85	Hồ Khặt	nt	Xã Thượng Cốc	469.800	13,7	156,4		Trần tự do		nt		

86	Hồ Rải	nt	Xã Thượng Cốc	350.000	13	200		Tràn tự do		nt		
87	Hồ Rộc Chu	nt	Xã Thượng Cốc	150.000	13	100		Tràn tự do		nt		
88	Hồ Ngọc	nt	Xã Thượng Cốc	548.450	12,5	68,62		Tràn tự do		nt		
89	Hồ Ngọc Khánh + Hồ Ngọc Cáo	nt	Xã Lạc Sơn	700.000	12	200		Tràn tự do		nt		
90	Hồ Vốc + Hang Châu	nt	Xã Yên Phú	900.000	12	220		Tràn tự do		nt		
91	Hồ Má	nt	Xã Nhân Nghĩa	350.000	12	120		Tràn tự do		nt		
92	Hồ Tre II	nt	Xã Thượng Cốc	220.000	12	70		Tràn tự do		nt		
93	Hồ Át	nt	Xã lạc Sơn	560.000	12	180		Tràn tự do		nt		
94	Hồ Re (Bai Trang)	nt	Xã Đại Đồng	750.000	12	150		Tràn tự do		nt		
95	Hồ Đàm Khụ	nt	Xã Quyết Thắng	300.000	12	120		Tràn tự do		nt		
96	Hồ Đảng	nt	Xã Quyết Thắng	480.000	11,8	100		Tràn tự do		nt		
97	Hồ Rộc Át	nt	Xã Thượng Cốc	264.600	14,8	134,25		Tràn tự do		nt		
98	Hồ Nánh	nt	Xã Nhân Nghĩa	250.000	11	160		Tràn tự do		nt		
99	Hồ Voi	nt	Xã Lạc Sơn	180.000	10	116		Tràn tự do		nt		
100	Hồ Trang I	nt	Xã Thượng Cốc	250.000	10	200		Tràn tự do		nt		

101	Hồ Mu Mạ	nt	Xã Đại Đồng	1.100.000	10	270		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
102	Hồ Lục	nt	Xã Đại Đồng	600.000	10	96		Trần tự do		nt		
103	Hồ Bìu	nt	Xã Lạc Sơn	504.000	6	200		Trần tự do		nt		
104	Hồ Vín Thượng	nt	Xã Lạc Sơn	720.000	6	300		Trần tự do		nt		
105	Hồ Mền II	nt	Xã Yên Trị	375.000	18	262,65		Trần tự do		nt		
106	Hồ Luông Bai	nt	Xã Yên Trị	361.000	16,9	157,6		Trần tự do		nt		
107	Hồ Sông Nước	nt	Xã Lạc Lương	110.000	15	84		Trần tự do		nt		
108	Hồ Me I	nt	Xã Yên Thủy	1.000.000	11,5	860		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
109	Hồ Mền I	nt	Xã Yên Trị	204.000	14,5	132,15		Trần tự do		nt		
110	Hồ Vó Khoi	nt	Xã Lạc Lương	204.000	14,4	137,8		Trần tự do		nt		
111	Hồ Lương Mỹ	nt	Xã Lạc Lương	123.900	14,05	148		Trần tự do		nt		
112	Hồ 7+8	nt	Xã Lạc Lương	270.000	13,6	131,5		Trần tự do		nt		

113	Hồ 5+6	nt	Xã Lạc Lương	1.025.000	12,7	57,3		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
114	Hồ Liệt	nt	Xã Lạc Lương	120.000	13	81		Trần tự do		nt		
115	Hồ Rộc Bót	nt	Xã Yên Trị	120.000	12	92		Trần tự do		nt		
116	Hồ Đầm Sóng	nt	Xã Yên Thủy	112.000	11,5	138,1		Trần tự do		nt		
117	Hồ Sòng Vồ	nt	Xã Lạc Lương	320.000	11	330		Trần tự do		nt		
118	Hồ Ngọc Lương I	nt	Xã Yên Trị	842.000	6,4	1307		Trần tự do		nt		
119	Hồ Ngọc Lương II	nt	Xã Yên Trị	758.000	6.2	2225,8		Trần tự do		nt		
120	Hồ Bai Cái	nt	Xã Yên Trị	660.000	4	1596		Trần tự do		nt		
121	Hồ Ba Sào	nt	Xã Lạc Lương	611.070	7,5	592,1		Trần tự do		nt		
122	Hồ Me II	nt	Xã Yên Thủy	500.000	7,5	540		Trần tự do		nt		
123	Liên hồ Phú Lão	nt	Xã An Nghĩa	3.280.000	10,5	131		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	

124	Hồ Đồng Tâm	nt	Xã Lạc Thủy	3.000.000	15	200		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
125	Hồ Đại Thắng	nt	Xã An Bình	561.000	17,9	204,5		Trần tự do		nt		
126	Hồ Xóm Cốc	nt	Xã An Bình	472.400	14,1	103		Trần tự do		nt		
127	Hồ Rộc Cốc	nt	Xã Lạc Thủy	570.000	13,1	121		Trần tự do		nt		
128	Hồ Rộc Lá	nt	Xã An Bình	850.000	12,6	75,5		Trần tự do		nt		
129	Hồ Yên Bồng I	nt	Xã Lạc Thủy	1.079.400	12,5	170		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
130	Hồ Rộc Chuối	nt	Xã An Bình	300.000	12,5	118,22		Trần tự do		nt		
131	Hồ Cây Mào	nt	Xã An Bình	479.710	10,45	81,57		Trần tự do		nt		
132	Hồ Đá Bạc	nt	Xã An Nghĩa	1.900.000	7	440		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	

133	Hồ Đồi Vầu	nt	Xã An Nghĩa	650.000	8	250		Trần tự do		nt		
134	Hồ Đón Rông	nt	Xã An Bình	560.000	7,2	70		Trần tự do		nt		
135	Hồ Suối Ong	nt	Xã Liên Sơn	2.280.000	21	181		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
136	Hồ Ngành	nt	Xã Liên Sơn	252.100	15	139,3		Trần tự do		nt		
137	Hồ Đồng Chanh	nt	Xã Lương Sơn	1.750.000	12,92	440		Trần tự do		nt	Trang web http://thuyloivietnam.vn/ ; Cục Quản lý tài nguyên nước qua trang web http://quanly.dworm.gov.vn	
138	Hồ Bằng Gà	nt	Xã Lương Sơn	127.000	11,3	76,43		Trần tự do		nt		
139	Hồ Đầu Cầu	nt	Xã Lương Sơn	225.500	10,8	172,5		Trần tự do		nt		
140	Hồ Đom	nt	Xã Liên Sơn	235.000	10,42	114,63		Trần tự do		nt		
141	Hồ Đồng Búa	nt	Xã Cao Dương	640.000	10	240		Trần tự do		nt		
142	Hồ Yên Lịch II(h.Mơ)	nt	Xã Cao Dương	300.000	10	90		Trần tự do		nt		
143	Hồ Sòng Khạ	nt	Xã Cao Dương	100.000	10	113		Trần tự do		nt		
144	Hồ An Thịnh I	nt	Xã Cao Dương	520.000	8	45		Trần tự do		nt		

145	Hồ Đát Dội	Sở NN&MT	Xã Tiên Lương	442.000	19,5	140,4		Tràn tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	Tần suất quan trắc: 2 lần/ngày vào mùa kiệt; 4 lần/ngày vào mùa lũ; 1 giờ khi MN hồ bằng hoặc cao hơn MN tràn và 4 lần/giờ khi MN hồ trên MNTK; Cung cấp dữ liệu thứ 3; thứ 6 hàng tuần cho Viện Quy hoạch thủy lợi, Chi cục Thủy lợi và các cơ quan phòng, chống thiên tai các cấp vùng hạ du đập cùng các đơn vị liên quan theo quy định	
146	Hồ Ba Vực	Sở NN&MT	Xã Vân Bán	806.000	12,0	1000		Tràn tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
147	Hồ Hàm Kỳ	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hiền Lương	4.375.000	20,7	50		Tràn tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

148	Hồ Lửa Việt	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hạ Hòa	7.320.000	8,2	505		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
149	Hồ Ngòi Vằn	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hiền Lương	9.540.000	10,5	165		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
150	Hồ Xuân Sơn	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Xuân Đài	1.620.000	38,9	268		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
151	Hồ Sận Hòa	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Lai Đồng	280.000	18	125		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
152	Hồ Suối Cái	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Thanh Sơn	445.000	25,2	123		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
153	Hồ Tả Giang	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Cự Đồng	853.000	22,2	290		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
154	Hồ Khoang Tả	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Võ Miếu	425.000	19	189		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
155	Hồ Đá Mài	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Cự Đồng	527.000	23	360		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
156	Hồ Củ	Sở NN&MT	Xã Võ Miếu	457.000	15	100		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

157	Hồ Phụng Mao	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Tu Vũ	11.619.000	17	1.352,6		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
158	Hồ Thượng Long	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Thượng Long	3.174.000	28,4	100		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

159	Hồ Giành	Ngòi	Sở NN&MT	Xã Trung Sơn	36.600.000	69,2	245,4	1.295	Trần có cửa van + tràn tự do	Mưa, mực nước thượng lưu, hạ lưu đập; lưu lượng nước đến, lưu lượng xả	Tần suất quan trắc: 2 lần/ngày vào mùa kiệt; 4 lần/ngày vào mùa lũ; 1 giờ khi MN hồ bằng hoặc cao hơn MN tràn và 4 lần/giờ khi MN hồ trên MNTK; cung cấp thông tin, số liệu đến Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ, cơ quan phòng, chống thiên tai các cấp vùng hạ du đập, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp và các cơ quan, đơn vị có liên
-----	----------	------	----------	--------------	------------	------	-------	-------	------------------------------	--	---

											quan theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 và Nghị định số 48/2020/NĐ- CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

160	Hồ Đàm Thìn	UBND xã	Xã Cẩm Khê	606.000	9,4	300		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	Tần suất quan trắc: 2 lần/ngày vào mùa kiệt; 4 lần/ngày vào mùa lũ; 1 giờ khi MN hồ bằng hoặc cao hơn MN tràn và 4 lần/giờ khi MN hồ trên MNTK; Cung cấp dữ liệu thứ 3; thứ 6 hàng tuần cho Viện Quy hoạch thủy lợi, Chi cục Thủy lợi và các cơ quan phòng, chống thiên tai các cấp vùng hạ du đập cùng các đơn vị liên quan theo quy định	
161	Hồ Độc Gạo	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Đồng Lương	1.638.000	7,1	80		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
162	Hồ Nhà Chắp	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Phú Khê	605.000	10,8	130		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

163	Hồ Ban	UBND xã	Xã Tiên Lương	1.200.000	11	50		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
164	Hồ Độc Móc	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Đoan Hùng	256.000	10	165		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
165	Hồ Núi Chùa	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Đoan Hùng	665.000	8	120		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
166	Hồ Nhà Giặc	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Chí Đám	805.000	8,9	106,3		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
167	Hồ Đồng Phai	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Đan Thượng	720.000	8	656		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
168	Hồ Cửa Hoảng	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Văn Lang	1.410.000	5,5	160		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
169	Hồ Cây Si	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xa Văn Lang	850.000	4	71		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
170	Hồ Đàm Chi	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hiền Lương	950.000	4,5	110		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
171	Hồ Đàm Thúi	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hiền Lương	800.000	4,5	370		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
172	Hồ Ngòi Lón	UBND xã	Xã Hiền Lương	803.000	7	350		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
173	Hồ Trỏ Lợi	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Vạn Xuân	150.000	10,3	198		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

174	Hồ Phương Thịnh	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Vạn Xuân	585.000	8,5	220		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
175	Hồ Suối Lò	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Lai Đồng	10.800	14	60		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
176	Hồ Suối Mận	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Lai Đồng	30.000	12	41		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
177	Hồ Ngọn Bền	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Xuân Đài	120.000	11,5	60		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
178	Hồ Hố Ron	UBND xã	Xã Hoàng Cương	266.000	11	80		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
179	Hồ Độc Đồi	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Đông Thành	240.000	12	50		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
180	Hồ Ba Gạc	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hoàng Cương	540.000	12,4	83		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
181	Hồ Phụng Thượng	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Đông Thành	124.000	10	150		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
182	Hồ Trầm Sắt	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Liên Minh	890.000	6,9	426		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
183	Hồ Dục Giữa	UBND xã	Xã Hoàng Cương	60.000	10	50		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
184	Hồ Độc Khuyết	UBND xã	Xã Đông Thành	106.000	10	120		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

185	Hồ Dục Đàm	UBND xã	Xã Hoàng Cương	42.000	13	40		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
186	Hồ Dục Hạp	UBND xã	Xã Hoàng Cương	84.000	14	35		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
187	Hồ Đàm Gai	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Yên Sơn	1.490.000	7	376,5		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
188	Hồ Góc Sỏ	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Võ Miếu	350.000	12	105		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
189	Hồ Mất Ngựa	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Võ Miếu	196.000	12	150		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
190	Hồ Hem	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Hương Cần	120.000	12	80		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
191	Hồ Đúng Suối	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Yên Sơn	964.000	13,9	158,6		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
192	Hồ Mang Bão	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Văn Miếu	110.000	12,5	120		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
193	Hồ Rông Suối	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Thanh Thủy	1.586.000	12,1	100		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
194	Hồ Độc Giang	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Xuân Viên	1.293.000	12	128		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
195	Hồ Diện Song	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Xuân Lũng	500.000	10	182		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	

196	Hồ Nhà Nhen	Công ty TNHH NN MTV KTCT TL Phú Thọ	Xã Xuân Lũng	500.000	8,5	60		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
197	Hồ Lãng Khung	UBND xã	Xã Trạm Thản	115.000	13	40		Trần tự do		Mưa, mực nước thượng lưu , hạ lưu đập	nt	
198	Hồ Vĩnh Thành	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Đạo Trù	2.732.000	23,6	210	382	Trần tự do	Trạm Vĩnh Thành	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
199	Hồ Đồng Mỏ	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Đạo Trù	5.470.000	26,2	350,2	302,9	Trần có cánh điều tiết	Trạm Đồng Mỏ	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
200	Hồ Làng Hà	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Tam Đảo	2.560.000	19,8	230	147	Trần tự do	Trạm Làng Hà	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
201	Hồ Xạ Hương	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Tam Đảo	13.430.000	41	240,4	307,	Trần có cánh điều tiết	Trạm Xạ Hương	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
202	Hồ Bản Long	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Tam Đảo	3.404.000	21	510	203,7	Trần tự do	Trạm Bản Long	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	

203	Hồ Gia Khau	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Bình Tuyền	780.000	23,2	190	25	Trần tự do	Trạm Gia Khau	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
204	Hồ Thanh Lanh	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Bình Tuyền	10.621.000	29	362	272	Trần có cánh điều tiết	Trạm Thanh Lanh	Mực nước, lượng mưa	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
205	Hồ Phân Lân Thượng	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Xã Đạo Trù	282.000	8	253,5		Trần tự do	Trạm Phân Lân Thượng	Mực nước	Cung cấp về Chi cục TL&TNN, BCH Phòng thủ dân sự tỉnh	
206	Thủy điện Đồng Chum 2A	Công ty CP đầu tư năng lượng xây dựng thương mại Hoàng Sơn	Xã Tân Pheo, tỉnh Phú Thọ	55.000	11,5	46,25	670	Trần tự do	01 trạm đo mực nước tại thượng lưu hồ	Đo dòng chảy tối thiểu, giám sát mức nước thượng lưu, giám sát mức nước qua tràn tự do	Cung cấp về Cục KTTV	
207	Đồng Chum 2B,	Công ty CP đầu tư năng lượng xây dựng thương mại Hoàng Sơn	Xã Tân Pheo, tỉnh Phú Thọ	298.000	16,5	102	1.202	Trần tự do	01 trạm đo mực nước, 01 trạm đo lượng mưa tại thượng lưu hồ	Trạm đo mưa, Đo dòng chảy tối thiểu, giám sát mức nước thượng lưu, giám sát mức nước qua tràn tự do	Cung cấp về Cục KTTV	

208	Thủy điện Suối Nhạp A	Công ty CP đầu tư năng lượng xây dựng thương mại Hoàng Sơn	Xã Quy Đức, tỉnh Phú Thọ	400.000	20	156	1.883	Tràn tự do	01 trạm đo mực nước tại thượng lưu hồ	Trạm đo mưa, Đo dòng chảy tối thiểu, giám sát mức nước thượng lưu, giám sát mức nước qua tràn tự do	Cung cấp về Cục KTTV	
209	Nhà máy Thủy điện Miền Đồi 1	Công ty TNHH thủy điện Miền Đồi	Xóm Tre Báng, xã Thượng Cốc, tỉnh Phú Thọ	18.790	14,5	62,68	269	Tràn tự do	Lắp đặt thiết bị giám sát vận hành tại nhà máy	Giám sát mức nước thượng lưu; Dòng chảy tối thiểu; lưu lượng qua nhà máy	Cung cấp về Cục KTTV	Đang thi công lắp đặt thiết bị, tính toán
210	Nhà máy Thủy điện Miền Đồi 2	Công ty TNHH thủy điện Miền Đồi	Xóm Tre Báng, xã Thượng Cốc, tỉnh Phú Thọ	40.000	12,5	22,12	410	Tràn tự do	Lắp đặt thiết bị giám sát vận hành tại nhà máy	Giám sát mức nước thượng lưu; Dòng chảy tối thiểu; lưu lượng qua nhà máy	Cung cấp về Cục KTTV	Đang thi công lắp đặt thiết bị, tính toán
211	Thủy điện Hòa Bình	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	9.862.000	128	660	37.800	Mô phỏng và hồ tiêu năng	02 trạm đo mực nước (thượng lưu hồ và hạ lưu đập); 17 trạm đo mưa (khu vực hồ và lưu vực gần đập)	Mưa; Mực nước hồ; Mực nước hạ lưu; Lưu lượng nước đến hồ; Lưu lượng xả qua tua-bin và qua tràn	Cung cấp về Cục KTTV	

212	Công trình thủy điện Suối Mu	Công ty Cổ phần thủy điện Suối Mu	Xóm Mu, Xã Ngọc Sơn, Tỉnh Phú Thọ	11.100	7,5	32,47		Trần tự do	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	
213	Công trình thủy điện Vạn Mai	Công ty Cổ phần thủy điện Văn Hồng	Xóm Lọng, Xã Mai Hạ, Tỉnh Phú Thọ	53.000	4	55,9		Trần tự do	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	
214	Nhà máy thủy điện Suối Tráng	Công ty Cổ phần thủy điện Văn Hồng	Xóm Dải, Xã Thung Nai, Tỉnh Phú	141.000	13	18,2	759,9	Tư do + Van lật	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	
215	Công trình thủy điện Hồ Trộng	Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Trộng	Xóm Trộng Phú, Xã Mường Bi, Tỉnh Phú Thọ	4.212.000	29	272	475	Van cánh phai	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Hồ thủy lợi kết hợp thủy điện
216	Nhà máy thủy điện Định Cư	Công ty TNHH xây dựng thủy điện Định Cư	xóm Bán, xã Quyết Thắng, tỉnh Phú Thọ	363.000	1,6	110		Trần tự do	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	Chưa có báo cáo	